

Số: 1056/BC-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Thường niên năm 2024 theo Thông tư 09/2024/TT-BGDDT

I. THÔNG TIN CHUNG

- **Tên:** Trường Đại học Luật Hà Nội

- **Địa chỉ:**

+ Trụ sở chính: Số 87 Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.

+ Phân hiệu: Tổ dân phố 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

+ Cơ sở 2: Đường Hoàng Quốc Việt, phường Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Ninh.

- **Điện thoại:** 024.38352630 – Fax: 024.38343226

- **Hộp thư điện tử:** admin@hlu.edu.vn

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường Đại học Luật Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Tư pháp.

- **Sứ mạng:** Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- **Tầm nhìn đến năm 2030:** Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu, Trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, Trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.

- **Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:**

Trường Đại học Luật Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 405-CP ngày 10/11/1979 của Hội đồng Chính phủ, trên cơ sở hợp nhất Khoa Pháp lý thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội và Trường Cao đẳng Pháp lý. Tiền thân của Trường là Trường Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ Pháp chế (1976), Trường Pháp lý Việt Nam (1977) và Trường Cao đẳng Pháp lý (1979).

Sự ra đời của Trường là dấu mốc quan trọng, góp phần xây dựng nền pháp luật cách mạng, cung cấp đội ngũ cán bộ pháp lý phục vụ công cuộc quản lý nhà nước bằng pháp luật trong giai đoạn đất nước vừa thống nhất, vừa đối mặt với nhiều thách thức về kinh tế – xã hội và an ninh quốc phòng.

Trong quá trình phát triển, Trường đã trải qua nhiều bước chuyển mình quan trọng:

Năm 1982–1987: Trường sáp nhập Trường Trung học Pháp lý I, hợp nhất với Trường Cán bộ Tòa án và mở rộng quy mô đào tạo với hai cơ sở tại Hà Nội.

Năm 1987: Thành lập Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh – tiền đề cho sự ra đời của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (1996).

Năm 1993: Theo Quyết định số 369/QĐ-TC ngày 06/7/1993 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Trường đổi tên thành Trường Đại học Luật Hà Nội, trực thuộc Bộ

Tư pháp, tiếp tục đảm nhiệm vai trò đào tạo cán bộ pháp luật trình độ đại học và sau đại học cho cả nước.

Từ 2000 đến nay: Trường mở rộng đào tạo các ngành mới, tăng cường nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

Đặc biệt, năm 2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 310/QĐ-BGDĐT thành lập Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại Đắk Lắk, phục vụ phát triển nguồn nhân lực pháp luật khu vực Tây Nguyên.

Hiện nay, Trường là cơ sở giáo dục đại học công lập trọng điểm quốc gia về đào tạo pháp luật, thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 1156/QĐ-TTg ngày 30/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể “Tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”.

Với bề dày hơn 45 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Luật Hà Nội đã khẳng định được vị thế hàng đầu trong hệ thống các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng hợp tác quốc tế và đóng góp tích cực vào công cuộc cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Người đại diện pháp luật:

+ Họ và tên: PGS.TS Tô Văn Hòa

+ Chức vụ: Hiệu trưởng

+ Địa chỉ nơi làm việc: Số 87 Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.

+ Số điện thoại: 0903404589

+ Thư điện tử: tovanhoa@hlu.edu.vn

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)	Năm liền kề trước năm báo cáo (2023)
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	44.24904632	46.73867069
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	99,09	99,68
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	45,92	44,93

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	333	0	180	116	33	4
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	328	0	180	114	33	1

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)	Năm liền kề trước năm báo cáo (2023)
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	44	42
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	202	180
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	74.32%	70.23%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)	Năm liền kề trước năm báo cáo (2023)
1	Diện tích đất/người học (m2)	14.004,9/13103 (đại học)+ 2032 (sau đại học)	14.004,9/15358 (đại học)+1744(sau đại học)
2	Diện tích sàn/người học (m2)	36.475/13103 (đại học)+ 2032(sau đại học)	36.475/15358 (đại học)+1744(sau đại học)
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt		
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	95.8	71.86
5	Số bàn sách/người học	5.46	5.45
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	100%	100%
7	Tốc độ Internet/1000 người học (Mbps)	LeaseLine 3MbQT/200MB Trong nước	seLine 3MbQT/200MB Trong nước

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn (m2)
1	Trụ sở chính	87 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	14.004,9	36.475
2	Cơ sở 2	Phường Đồng Nguyên, Thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Chưa hoàn thành	Chưa hoàn thành

3	Phân hiệu	Đường Phạm Hùng, tổ dân phố 8, phường Tân An	98.180,6	16.059
Tổng cộng			112.190,4	52.534

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ⁹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà ...		
2	Nâng cấp tòa nhà A, F, G	Trụ sở chính	2.500 triệu
	Nâng cấp tòa nhà	Phân hiệu	780 triệu
3	Đầu tư mới phòng học ...		
4	Nâng cấp phòng học: Cải tạo sửa chữa, bổ sung hệ thống âm thanh, ánh sáng, lắp điều hòa	Trụ sở chính	1.896 triệu
5	Nâng cấp phòng học: Cải tạo sửa chữa, bổ sung hệ thống âm thanh, ánh sáng, lắp điều hòa	Phân hiệu tại Đắc Lắc	1.234 triệu
Tổng cộng			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Kiểm định cơ sở giáo dục theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Mức độ đạt kiểm định: Đạt
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 25 tháng 9 năm 2023 đến ngày 25 tháng 9 năm 2028

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7380101	Ngành Luật	CTĐT trình độ đại học ngành Luật	TT KĐCLGD Thăng Long	06/6/2028
2	7380101	Ngành Luật	CTĐT CLC trình độ đại học ngành Luật	TT KĐCLGD Thăng Long	06/6/2028
3	7380107	Ngành Luật kinh tế	CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế	TT KĐCLGD Thăng Long	06/6/2028
4	7380109	Ngành Luật thương mại quốc tế	CTĐT trình độ đại học ngành Luật	TT KĐCLGD Thăng Long	06/6/2028

			thương mại quốc tế		
5	8380102	Ngành Luật hành chính và luật hiến pháp	CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật hiến pháp và luật hành chính định hướng nghiên cứu	TT KĐCLGD Thăng Long	08/11/2029
6	8380103	Ngành Luật dân sự và tổ tụng dân sự	CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật dân sự và tổ t tụng dân sự định hướng nghiên cứu	TT KĐCLGD Thăng Long	08/11/2029
7	8380104	Ngành Luật hình sự và tổ tụng hình sự	CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Luật hình sự và tổ t tụng hình sự định hướng nghiên cứu	TT KĐCLGD Thăng Long	08/11/2029
8	8380105	Ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm định hướng nghiên cứu	TT KĐCLGD Thăng Long	08/11/2029
9	8380106	Ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	CTĐT trình độ đại thạc sĩ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật định hướng nghiên cứu	TT KĐCLGD Thăng Long	08/11/2029
10	8380107	Ngành Luật kinh tế	CTĐT trình độ đại thạc sĩ ngành	TT KĐCLGD Thăng Long	08/11/2029

			Luật kinh tế định hướng nghiên cứu		
11	8380108	Ngành Luật quốc tế	CTĐT trình độ đại học sĩ ngành Luật quốc tế định hướng nghiên cứu	TT KĐCLGD Thăng Long	08/11/2029

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)	Năm liền kề trước năm báo cáo (2023)
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	84,87%	86,12%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	1,05	0,91
3	Tỉ lệ thôi học	0,05%	0,04%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	0,06%	0,06%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	71,18%	72,26%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	78,23%	76,68%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	80,04%	Chưa khảo sát
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	85,62%	Chưa khảo sát
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	90,9%	86,16%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỉ lệ việc làm ¹¹
I	Đại học				
1	Lĩnh vực pháp luật				
	Chính quy	10602	3117	2891	93,54%
	Vừa làm vừa học	760	338	510	Chưa khảo sát
2	Lĩnh vực nhân văn				
	Chính quy	760	246	87	
II	Thạc sĩ (và tương đương)				
1	Lĩnh vực pháp luật	1786	683	282	

III	Tiến sĩ				
1	Lĩnh vực pháp luật	246	65	21	

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)	Năm liền kề trước năm báo cáo (2023)
1	Tỉ trọng thu khoa học – công nghệ	0.1	0.1
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0.6	0.9
3	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	0.1	0.1

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng (2024)	Kinh phí thực hiện trong năm (2023)
1	Đề tài cấp Nhà nước	01	1.329 triệu đồng
2	Đề tài cấp Bộ, tỉnh	6	2.630 triệu đồng
3	Đề tài cấp cơ sở	31	12.164 triệu đồng
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
Tổng số		38	16.123 triệu đồng

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo (2024)	Năm liền kề trước năm báo cáo (2023)
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	121	241
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	28	15
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	13	23
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)	Năm liền kề trước năm báo cáo (2023)
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	0,328	0,305
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	0,234	0,095

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)	Năm liền kề trước năm báo cáo (2023)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	333.255 triệu đồng	236.179 triệu đồng
<i>I</i>	<i>Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư</i>	0	
<i>II</i>	<i>Thu giáo dục và đào tạo</i>		
1	Học phí, lệ phí từ người học	308.557 triệu đồng	220.212 triệu đồng
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	
4	Thu khác	24.698 triệu đồng	15.462 triệu đồng
<i>III</i>	<i>Thu khoa học và công nghệ</i>		505 Triệu đồng
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	
3	Thu khác	0	505 Triệu đồng
<i>IV</i>	<i>Thu khác (thu nhập ròng)</i>		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	219.477 triệu đồng	174.721 triệu đồng
<i>I</i>	<i>Chi lương, thu nhập</i>		
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	62.697 Triệu đồng	38.179 Triệu đồng
2	Chi lương, thu nhập của cán bộ khác	20.328 Triệu đồng	13.166 Triệu đồng
<i>II</i>	<i>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ</i>		
1	Chi cho đào tạo	38.366 Triệu đồng	37.039 Triệu đồng
2	Chi cho nghiên cứu	10.346	7.554

		Triệu đồng	Triệu đồng
3	Chi cho phát triển đội ngũ	2.189 Triệu đồng	1.399 Triệu đồng
4	Chi phí chung và chi khác	67.592 Triệu đồng	63.656 Triệu đồng
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	15.146 triệu đồng	10.029 Triệu đồng
2	Chi hoạt động nghiên cứu	1.933 triệu đồng	1.303 Triệu đồng
3	Chi hoạt động khác	881 Triệu đồng	2.397 Triệu đồng
IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	113.778 triệu đồng	61.457 Triệu đồng

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Năm 2024, Trường đã tổ chức thành công nhiều sự kiện lớn, có sự hiện diện của các đồng chí trong Ban Cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ Tư pháp và các đồng chí lãnh đạo ở Bộ, ngành, địa phương như: Gặp mặt truyền thống 45 năm Ngày thành lập Trường, Gặp mặt 05 năm thành lập Phân hiệu, Gặp mặt truyền thống 45 năm Khoa Pháp luật kinh tế và đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Tạp chí Luật học, Lễ kỷ niệm 20 năm truyền thống Viện Luật so sánh. Các Lễ kỷ niệm và Buổi Gặp mặt được tổ chức trang trọng, an toàn, tiết kiệm, không phô trương, hình thức.

2. Kết quả tuyển sinh có chuyển biến về chất lượng và số lượng: kết quả tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hệ chính quy vượt chỉ tiêu đề ra với chất lượng đầu vào rất cao; kết quả tuyển sinh cao học và nghiên cứu sinh tăng hơn so với năm 2023.

3. Công tác kiểm định chất lượng đào tạo được chú trọng, việc triển khai kiểm định chất lượng được thực hiện khẩn trương, nhanh chóng. Trường đã hoàn thành công tác kiểm định chất lượng đào tạo đối với 07 chương trình thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và các chương trình được kiểm định đều đạt 92% số tiêu chí (46/50 tiêu chí).

4. Công tác nghiên cứu khoa học đạt kết quả cao, số lượng Hội thảo khoa học, bài viết trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISI, Scopus đạt 106% so với năm 2023; Tổ chức thành công Diễn đàn luật học năm 2024 với nhiều hoạt động thiết thực, nhiều Hội thảo, tọa đàm quốc tế đạt chất lượng cao, thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu luật học.

5. Công tác hợp tác quốc tế phát triển nở rộ, trong năm đã tiếp đón được gần 30 Đoàn khách đến thăm và làm việc tại Trường, tổ chức được hơn 10 Đoàn ra theo phê duyệt của Bộ Tư pháp và theo yêu cầu hợp tác.

6. Hoàn thành cơ bản giai đoạn 1 của công tác chuyển đổi số, tổ chức nghiệm thu đối với Văn phòng điện tử, Phần mềm quản lý tuyển sinh và nhập học đối với hệ đại học và sau đại học; Phần mềm quản lý tài chính...

7. Công tác kiện toàn cán bộ được quan tâm, chú trọng, Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết bổ nhiệm 01 Phó Hiệu trưởng, tăng số lượng thành viên Ban Giám hiệu lên 04 người. Bên cạnh đó, công tác kiện toàn lãnh đạo các đơn vị cũng thường xuyên được cập nhật, rà soát.

8. Trường đã hoàn thành giai đoạn 1 và tiếp tục hoàn thành cơ bản phần thô của các hạng mục giai đoạn 2 của dự án cơ sở 2 tại thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Dự kiến kiến đưa vào sử dụng vào năm học 2025 -2026.

9. Công đoàn Trường đã phát động nhiều hoạt động ủng hộ, thiện nguyện kịp thời và ý nghĩa, được đông đảo Công đoàn viên trong Trường tham gia với số tiền quyên góp, ủng hộ lên tới hơn 650 triệu đồng. Số tiền quyên góp được trao tặng đúng người và đúng hoàn cảnh.

10. Đoàn Thanh niên đã tổ chức được nhiều hoạt động sôi nổi như: đêm hội chào tân sinh viên...; các hoạt động tình nguyện thu hút sự tham gia của đông đảo của các cán bộ giảng viên, sinh viên trong Trường như: hiến máu tình nguyện, tiếp sức mùa thi, các hoạt động phục vụ cộng đồng tại Thái Nguyên, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Giang...

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo)
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Các đơn vị thuộc Trường (để thực hiện);
- Các tổ chức đoàn thể (để biết);
- Lưu: VT, TCHC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Bá Bình